SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐKKV TƯ NGHĨA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 377 /QĐ-BVĐK

Tư Nghĩa, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế, hóa chất và hóa chất xét nghiệm phục vụ khám sức khỏe cho một số đối tượng người dân các xã trên địa bàn của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TƯ NGHĨA

Căn cứ Quyết định số 702/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quyết định Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết 37/2024/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-SYT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2346/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi nguồn thu sự nghiệp tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2026;

Căn cứ Quyết định số: 373/QĐ-TTYT ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa về việc Phê duyệt danh mục chi

tiết và dự toán Mua vật tư y tế, hóa chất và hóa chất xét nghiệm phục vụ khám sức khỏe cho một số đối tượng người dân các xã trên địa bàn của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa;

Xét nội dung đề nghị của Khoa Dược - Vật tư, Thiết bị y tế tại Tờ trình số 28/TTr-DVTYT ngày 19/10/2026 về việc xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế, hóa chất và hóa chất xét nghiệm phục vụ khám sức khỏe cho một số đối tượng người dân các xã trên địa bàn của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế, hóa chất và hóa chất xét nghiệm phục vụ khám sức khỏe cho một số đối tượng người dân các xã trên địa bàn của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa, với nội dung chi tiết như sau:

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	**Tóm tắt công việc chính của gói thầu**									
1	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa	Mua vật tư y tế, hóa chất và hóa chất xét nghiệm phục vụ khám sức khỏe cho một số đối tượng người dân các xã trên địa bàn của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa	Mua vật tư y tế, hóa chất và hóa chất xét nghiệm phục vụ khám sức khỏe cho một số đối tượng người dân các xã trên địa bàn của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa	**249.137.096**	Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán và các nguồn thu hợp pháp khác năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tư Nghĩa	Chào giá trực tuyến rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	30 ngày	Quý IV /2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.	Không
Tổng giá gói thầu: 249.137.096 đồng					***Bằng chữ:*** *Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm chín mươi sáu đồng.*							

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng phòng Tài chính kế toán, Khoa Dược-VT, TBYT, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc;
- Phòng KHTH, TCKT,
- Khoa Dược-VT, TBYT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TƯ NGHĨA

Đặng Văn Điểm

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT VÀ HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ KHÁM SỨC KHỎE CHO MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI DÂN CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TƯ NGHĨA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BVĐK ngày tháng 10 năm 2026)

STT	Tên hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Hãng sản xuất/nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền kế hoạch (đã có VAT) (VNĐ)	Ghi chú
1	Ống cắm pince	- Cao 160mm ± 10% - Bằng Inox không gỉ - Thân trụ tròn không bị móp méo.	Frienfa Industries/Pakistan	Cái	8	144.448	1.155.584	
2	Khay quả đậu	Kích thước dài khoảng 25cm. Khay được làm hoàn toàn bằng inox không gỉ, có thể hấp, sấy,… tiệt trùng sau mỗi lần sử dụng	Frienfa Industries/Pakistan	Cái	8	254.448	2.035.584	
3	Hộp đựng bông cồn	Hộp đựng bông cồn đường kính 8cm, inox	Frienfa Industries/Pakistan	Cái	8	89.886	719.088	
4	Hộp an toàn (hộp chứa thu gom vật sắt nhọn)	Chất liệu bằng giấy, chứa vật sắt nhọn	Công ty CP Dược phẩm và thiết bị y tế An Phú/Việt Nam	Cái	50	14.700	735.000	
5	Ống nghiệm chứa Heparin Lithium	* Kích thước (12-13) x 75mm. Nắp màu đen. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium. *Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam/Việt Nam	Ống	11.000	780	8.580.000	
6	Ống nghiệm EDTA	2ml nắp xanh dương, mous thấp. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA). chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam/Việt Nam	Ống	11.000	590	6.490.000	

7	Bơm tiêm nhựa 3ml	Thể tích 3ml + kim	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam/Việt Nam	Cái	11.000	700	7.700.000	
8	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Thanh gỗ tiệt trùng, đóng gói riêng từng cái	Công ty CP Dược phẩm và thiết bị y tế An Phú/Việt Nam	Cái	11.000	280	3.080.000	
9	Cồn 70^0	70 độ, dạng lỏng.	Công ty TNHH Khả Doanh/ Việt Nam	Lít	20	28.000	560.000	
10	Bông y tế	Gói 1kg, thấm nước, 100% cotton - Thành phần chính là Cellulose, dùng trong y tế. - Độ ẩm (% KL): không quá 8% - Tốc độ thấm hút: ≤ 8 giây. - Không mùi. Bông có màu trắng. - Bông dạng tấm được xếp thành hình khối hộp hoặc hình trụ.	Bạch Tuyết/Việt Nam	Kg	20	143.000	2.860.000	
11	Dung dịch pha loãng	Thùng ≥ 18 lít, Dùng để pha loãng cho máy phân tích huyết học Độ pH: 7.35 đến 7.55 Thành phần: Sodium sulphate: 0.97%. Buffer < 0.9%; Stabiliser:Disodium tetraborate < 0.01 %, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Đạt tiêu chuẩn CE Tương thích máy huyết học 18 thông số Celltac α	IVD PA/Việt Nam	Lít	400	97.500	39.000.000	
12	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	Can ≥ 500ml, Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Độ pH: 4 đến 7 Thành phần: Muối amoni bậc 4: 3.7% Potassium Cyanide 0 %; Detergent < 3% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Đạt tiêu chuẩn CE Tương thích máy huyết học 18 thông số Celltac α	IVD PA/Việt Nam	Can	20	1.950.000	39.000.000	

13	Dung dịch rửa máy	Can ≥ 5Lít, dung dịch rửa thường xuyên cho máy huyết học Độ pH: 7,7 đến 8,3 Thành phần: Buffer: Na2EDTA < 0,3%; Stabiliser:Disodium tetraborate < 0,3 %; Dye < 0,0001 % Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Đạt tiêu chuẩn CE Tương thích máy huyết học 18 thông số Celltac α	IVD PA/Việt Nam	Hộp	2	2.300.000	4.600.000	
14	Dung dịch rửa máy	Can ≥ 5Lít, dung dịch rửa mạnh cho máy huyết học Độ pH: 10 đến 13 Thành phần: Sodium hypochlorite: 1,3%, Sodium hydroxide < 1,0%; Detergent < 1,0%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Đạt tiêu chuẩn CE Tương thích máy huyết học 18 thông số Celltac α	IVD PA/Việt Nam	Hộp	2	2.300.000	4.600.000	
15	Glucose	Thành phần: Pipes buffer (pH 7.5: 100 mmol/l, 4-Aminophenazone: 0.25 mmol/l, Phenol: 0.75 mmol/l, Glucose oxidase: 15 KU/l, Peroxidase: 1.5 KU/l, Mutarotase: 2.0KU/l, Sodium azide: 0.095%. Hộp: 4 x 100ml + 1 x 3ml	HUMAN Gesellschaft für Biochemica und Diagnostica mbH/Đức	Hộp	6	1.260.000	7.560.000	
16	Ure UV	Phương pháp đo Urease / Glutamate dehydroganase. Hộp: 4 x 40ml + 4 x 10ml + 1x5ml	BioSystems S.A.,/Tây Ban Nha	Hộp	12	1.536.885	18.442.620	
17	Creatinine	Phương pháp: ALKALINE PICRATO. Hộp: 10 x 50ml	BioSystems S.A.,/Tây Ban Nha	Hộp	6	2.302.650	13.815.900	
18	ALT	Phương pháp: IFCC. Hộp: 1x160ml, 1x40ml	BioSystems S.A.,/Tây Ban Nha	Hộp	10	1.657.908	16.579.080	
19	AST	Phương pháp: IFCC. Hộp: 1 x 160ml + 1 x 40ml	BioSystems S.A.,/Tây Ban Nha	Hộp	10	1.653.624	16.536.240	

20	Creatinine	Mục đích sử dụng: xác định định lượng Creatinine ở huyết thanh. huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: NaOH: 187.8 mmol/l; Phosphate: 7.5 mmol/l; Picric acid: 8.73 mmol/l - Khoảng đo: 0.1-20 mg/dl. Tương thích với máy sinh hóa tự động CA-270	Centronic GmbH/ Đức	Hộp	2	1.650.000	3.300.000	
21	Glucose	Mục đích sử dụng: xác định định lượng Glucose ở huyết thanh. huyết tương người - Thành phần: Hexokinase: ≥ 100 U/ml; G6P-DH: ≥ 300 U/ml; natri azide: 0.09 %; PIPES buffer pH 7.6: 100 mmol/l; Magnesium acetate: 10 mmol/l; ATP: 4 mmol/l; NAD: 3 mmol/l; natri azide: 0.09 % - Khoảng đo: 7-700 mg/dl. Tương thích với máy sinh hóa tự động CA-270	Centronic GmbH/ Đức	Hộp	2	2.440.000	4.880.000	
22	GOT (AST)	Mục đích sử dụng: xác định định lượng GOT (ASAT) ở huyết thanh. huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 7.8 (30°C): 80.00 mmol/l; L-Aspartate: 200.00 mmol/l; LDH: ≥ 1.6 U/ml; MDH: ≥ 0.5 U/ml; NADH: 0.18 mmol/l; α-Ketoglutarate: 12 mmol/l - Khoảng đo: 5-700 U/l - Độ chính xác: CV (%)(của độ tái lặp) ≤ 2.41. Tương thích với máy sinh hóa tự động CA-270	Centronic GmbH/ Đức	Hộp	4	2.860.000	11.440.000	
23	GPT (ALT)	Mục đích sử dụng: xác định định lượng GPT (ALAT) ở huyết thanh. huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 7.5 (25°C): 70.00 mmol/l; L-Alanine: 410.00 mmol/l; LDH: ≥ 1.7 U/ml; NADH: 0.3 mmol/l; α-Ketoglutarate: 18 mmol/l - Khoảng đo: 5-700 U/l. Tương thích với máy sinh hóa tự động CA-270	Centronic GmbH/ Đức	Hộp	4	3.020.000	12.080.000	
24	Urea	Mục đích sử dụng: xác định định lượng Urea ở huyết thanh. huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: TRIS buffer pH 8.1 (20°C): 50.00 mmol/l; α-Ketoglutarate: 15.00 mmol/l; Urease: ≥ 1000 U/l; Glutamate dehydrogenase: ≥ 5.4 KU/l; NADH: 0.18 mmol/l - Khoảng đo: 3-400 mg/dl. Tương thích với máy sinh hóa tự động CA-270	Centronic GmbH/ Đức	Hộp	4	2.260.000	9.040.000	
25	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	Mục đích sử dụng: huyết thanh hiệu chuẩn sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm trên máy sinh hóa - Dạng đông khô - Sản xuất từ huyết thanh người. Hộp (20 lọ x 3 ml). Tương thích với máy sinh hóa tự động CA-270	Centronic GmbH/ Đức	Lọ	1	690.000	690.000	

26	Dung dịch rửa tính axit	Dung dịch tẩy rửa có tính axit để làm sạch các quá trình trên máy phân tích sinh hóa Thành phần: Oxalic acid ≤ 0.15 g/l; Citric acid ≤ 0.25 g/l; PEG 400 ≤ 0.4 g/l, đã quy chuẩn thuế. Hộp (5 x 67 ml). Tương thích với máy sinh hóa tự động CA-270	Centronic GmbH/ Đức	Hộp	2	4.369.000	8.738.000	
27	Dung dịch rửa tính kiềm	Dung dịch tẩy rửa có tính kiềm để làm sạch các quá trình trên máy phân tích sinh hóa, đã quy chuẩn thuế Thành phần: 2-Aminoethanol ≤ 100 g/l; natrisulfit ≤ 0.1%; EDTA-Na ≤ 0.5 %; Nonionic detergent ≤ 7%. Hộp (5 x 65 ml). Tương thích với máy sinh hóa tự động CA-270	Centronic GmbH/ Đức	Hộp	2	2.460.000	4.920.000	
	Tổng cộng: 27 mặt hàng						**249.137.096**	